12TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1273/2025/DS–ST
Ngày: 29-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1883/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2594/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A;
Địa chỉ trụ sở: D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng L (Theo Giấy ủy quyền số: 1137/UQ-QLN.25 do Ngân hàng TMCP A lập ngày 30/7/2025) *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Ông Vạng Nguyễn Quốc S, sinh năm 1975;
Địa chỉ: 2 P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Trần Trọng L trình bày:

Ngày 09/10/2021 ông Vạng Nguyễn Quốc S có ký với Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là A) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân). Căn cứ vào Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A và các văn bản khác của ông Vạng Nguyễn Quốc S ký với A về việc sử dụng thẻ tín

dụng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho Vạng Nguyễn Quốc S với hạn mức sử dụng là 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 3.75%/ tháng.

Sau khi được Ngân hàng phát hành Thẻ tín dụng, ông S đã sử dụng thẻ để thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền 2.624.088.507 đồng (Hai tỷ, sáu trăm hai mươi bốn triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng). Trong suốt thời gian từ lúc kích hoạt thẻ cho đến nay, ông S đã thanh toán cho A tổng số tiền 2.453.280.719 (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn, bảy trăm mười chín đồng).

Qua nhiều lần liên hệ làm việc trực tiếp, nhắc nhở nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Dẫn đến việc ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ với A. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ, ngày 20/6/2023, A đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn với tổng số tiền tính đến ngày 20/06/2023 là 204.245.923 đồng (Giao dịch rút tiền mặt + giao dịch thanh toán bằng thẻ + phí + phạt chậm trả - số tiền đã thanh toán), đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ thẻ chưa thanh toán của ông Vạng Nguyễn Quốc S. Ngày 24/7/2023, A ra Thông báo Chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với các khoản thẻ tín dụng nêu trên.

Tạm tính đến ngày 29/9/2025, ông S còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là 382.241.409 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn, bốn trăm lẻ chín đồng), trong đó bao gồm: Dư nợ gốc: 204.245.923 đồng và Lãi quá hạn: 177.995.486 đồng.

Ngoài ra, ông Vạng Nguyễn Quốc S còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng ngày 09/10/2021.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Vạng Nguyễn Quốc S và đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà. Tuy nhiên, ông S đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn ông Trần Trọng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời, có bổ sung tài liệu là Bản tự khai và Bảng kê tính lãi khách hàng được tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025). Ông Trần Trọng L giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Vạng Nguyễn Quốc S có ký kết Hợp đồng để được cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP A, do đó, đây là vụ án tranh chấp về dân sự, cụ thể là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ các kết quả xác minh của Công an phường A, Thành phố Hồ Chí Minh và Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định bị đơn ông Vạng Nguyễn Quốc S có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 2 P, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Vạng Nguyễn Quốc S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông V Nguyễn Quốc S theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Vạng Nguyễn Quốc S không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP A ông Trần Trọng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ tính đến ngày 29/9/2025 là 382.241.409 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn bốn trăm lẻ chín đồng), bao gồm 204.245.923 đồng dư nợ gốc và 177.995.486 đồng lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/10/2021, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 09/10/2021 ông Vạng Nguyễn Quốc S ký với Ngân hàng TMCP A Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và được Ngân hàng cấp thẻ với hạn mức sử dụng là 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 3.75%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Vạng Nguyễn Quốc S thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 2.624.088.507 đồng (Hai tỷ, sáu trăm hai mươi

bốn triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng). Trong suốt thời gian từ lúc kích hoạt thẻ cho đến nay, ông S đã thanh toán cho A tổng số tiền 2.453.280.719 (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn, bảy trăm mười chín đồng). Do đó, đến ngày ngày 20/6/2023 ông S còn dư nợ là 204.245.923 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật". Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Vạng Nguyễn Quốc S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, còn nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 29/9/2025 là 382.241.409 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn bốn trăm lẻ chín đồng), bao gồm 204.245.923 đồng dư nợ gốc và 177.995.486 đồng lãi quá hạn. Nguyên đơn đã áp dụng mức lãi suất và thời gian tính lãi đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên việc yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán nợ vốn và lãi có cơ sở chấp nhận.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 382.241.409 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn bốn trăm lẻ chín đồng), bao gồm 204.245.923 đồng dư nợ gốc và 177.995.486 đồng lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/10/2021. Kể từ ngày 30/9/2025, ông V Nguyễn Quốc S còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Vạng Nguyễn Quốc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.112.070 đồng (Mười chín triệu một trăm mười hai nghìn không trăm bảy mươi đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí là 7.754.028 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn không trăm hai mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057807 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những phân tích và nhận định trên cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Á: Buộc ông Vạng Nguyễn Quốc S phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 382.241.409 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn bốn trăm lẻ chín đồng), bao gồm 204.245.923 đồng dư nợ gốc và 177.995.486 đồng lãi quá hạn phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/10/2021, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 19.112.070 đồng (Mười chín triệu một trăm mười hai nghìn không trăm bảy mươi đồng) ông Vạng Nguyễn Quốc S phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí là 7.754.028 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn không trăm hai mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0057807 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Toà hoặc không có mặt khi Tòa tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 7-TP.HCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Tiến Thịnh